



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đã được kiểm toán bởi:
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT (NVT)

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	01 – 02
Báo cáo Kiểm toán độc lập	03 – 04
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	05 – 20
<i>Bảng cân đối kế toán</i>	05 – 06
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	07
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	08
<i>Thuyết minh báo cáo tài chính</i>	09 – 20



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10 chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước Đoàn Quản lý đường thủy nội địa số 10 thuộc Cục Quản lý đường thủy nội địa Việt Nam, theo Quyết định số 4571/QĐ-BGTVT ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0313159937 ngày 13 tháng 3 năm 2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp

Trụ sở chính của Công ty tại Số 187 Trần Xuân Soạn, phường Tân Thuận Tây, quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Trung Tá	Chủ tịch Hội đồng quản trị	(Bổ nhiệm Ngày 12 tháng 02 năm 2015)
Ông Ngô Thanh Liêm	Thành viên	(Bổ nhiệm Ngày 12 tháng 02 năm 2015)
Ông Nguyễn Trường Sơn	Thành viên	(Bổ nhiệm Ngày 12 tháng 02 năm 2015)
Ông Phan Huỳnh Tùng	Thành viên	(Bổ nhiệm Ngày 12 tháng 02 năm 2015)
Ông Đặng Văn Dũng	Thành viên	(Bổ nhiệm Ngày 12 tháng 02 năm 2015)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Trung Tá	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm Ngày 25 tháng 3 năm 2015)
Ông Ngô Thanh Liêm	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm Ngày 25 tháng 3 năm 2015)
Ông Nguyễn Trường Sơn	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm Ngày 25 tháng 3 năm 2015)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Tống Văn Thanh	Trưởng ban kiểm soát	(Bổ nhiệm Ngày 12 tháng 2 năm 2015)
Ông Nguyễn Tuấn Kiệt	Thành viên	(Bổ nhiệm Ngày 12 tháng 2 năm 2015)
Bà Nguyễn Thị Thùy Trang	Thành viên	(Bổ nhiệm Ngày 12 tháng 2 năm 2015)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Vũ Trung Tá, chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 08 năm 2016

TM. Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc



Vũ Trung Tá

Số 2706.02/2016/BCTC-NVT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10 được lập ngày 15 tháng 07 năm 2016, từ trang 05 đến trang 20, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ Sở Chính:

Số 187 đường Nguyễn Lương Bằng, P. Quang Trung, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-4) 3761 3399 [F] (84-4) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:

47 Vũ Trọng Phụng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

Tòa nhà Hoàng Anh Safomec- 7/1 Thành Thái, P. 14, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

32-C
TY
HỮU H
ĐÁNH
VIỆ
T.P.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không được bố trí tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Với những tài liệu hiện có ở Công ty và các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi cũng không thể kiểm tra được tính hiện hữu của hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2015, với giá trị được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán là: 1.893.110.235 đồng.

Chúng tôi đã không thu thập đầy đủ bằng chứng về khoản tiền 585.251.013 đồng của khoản phải thu khách hàng. Với những tài liệu hiện có ở Công ty, chúng tôi cũng không thể khẳng định được đúng đắn của khoản mục trên bằng các thủ tục kiểm toán khác.

Công ty chưa phân loại tuổi nợ đối với các khoản công nợ khó đòi làm cơ sở ước tính trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại thời điểm 31/12/2015.

Đơn vị đang phản ánh trên chỉ tiêu phải trả khách số tiền 364.747.000 đồng tuy nhiên chưa rõ đối tượng phải trả.

Đơn vị đang phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán chỉ tiêu 213 –“Vốn kinh doanh tại đơn vị trực thuộc” khoản công nợ phải thu của xí nghiệp trực thuộc với số tiền 100.000.000 đồng.

Đơn vị đang trích khấu hao 15 năm đối với tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn đến năm 2053 mà chưa trích khấu hao theo thời hạn thuê đất.

Đơn vị đang ghi nhận tăng nguyên giá tài sản đối với chi phí sửa chữa nhà kho, bếp với số tiền 83.672.322 đồng.

Đơn vị chưa cung cấp cơ sở phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán tại chỉ tiêu 418 – “Quỹ đầu tư phát triển” số tiền 41.300.000 đồng.

Đơn vị đang hạch toán tiền lương bộ phận quản lý doanh nghiệp vào chi phí sản xuất kinh doanh và kết chuyển giá vốn mà chưa phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp với tổng số tiền 1.269.933.250 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10 tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2016

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt
Tổng Giám đốc



Lưu Thị Thúy Anh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0158-2014-124-1

Kiểm toán viên

Đào Duy Hưng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2017-2014-124-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 31/12/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		20.163.649.598
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	03	3.585.341.659
1. Tiền	111		3.585.341.659
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.368.868.419
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	04	13.279.821.871
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	05	200.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	06	889.046.548
IV. Hàng tồn kho	140		1.893.110.235
1. Hàng tồn kho	141	07	1.893.110.235
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		316.329.285
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	08	302.171.306
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.109.181
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	10.048.798
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.467.911.611
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		100.000.000
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		100.000.000
II. Tài sản cố định	220		8.147.540.728
1. Tài sản cố định hữu hình	221	09	7.028.820.726
<i>Nguyên giá</i>	222		24.001.591.393
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(16.972.770.667)
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	1.118.720.002
<i>Nguyên giá</i>	228		1.177.600.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(58.879.998)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		724.994.523
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	724.994.523
VI. Tài sản dài hạn khác	260		495.376.360
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	386.008.035
4. Tài sản dài hạn khác	268	13	109.368.325
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		29.631.561.209



Địa chỉ: Số 187 Trần Xuân Soạn, phường Tân Thuận Tây, quận 7,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 31/12/2015
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		13.874.231.622
I. Nợ ngắn hạn	310		13.874.231.622
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	2.055.971.438
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	1.394.778.513
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	1.101.624.703
4. Phải trả người lao động	314		2.515.506.704
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	6.206.350.264
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	600.000.000
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		15.757.329.587
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	15.757.329.587
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>15.000.000.000</i>
5. Cổ phiếu quỹ	415		(29.290.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.300.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		775.319.587
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>-</i>
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>775.319.587</i>
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		29.631.561.209

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2016

Người lập biểu

Đào Thị Thanh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mỹ Lan

Tổng Giám đốc



Vũ Trung Tá

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 13 tháng 3 năm 2015 đến 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 13/03/2015 đến 31/12/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	28.428.886.587
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		28.428.886.587
4. Giá vốn hàng bán	11	22	25.513.264.072
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.915.622.515
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	118.100.245
7. Chi phí tài chính	22	23	19.735.599
Trong đó: chi phí lãi vay	23		19.735.599
8. Chi phí bán hàng	25		-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	2.014.651.201
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		999.335.960
11. Thu nhập khác	31	25	87.530.280
12. Chi phí khác	32	26	73.867.620
13. Lợi nhuận khác	40		13.662.660
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.012.998.620
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	16	237.679.033
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>775.319.587</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	<u>517</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2016

Người lập biểu

Đào Thị Thanh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mỹ Lan

Tổng Giám đốc



Vũ Trung Tá

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Từ ngày 13 tháng 3 năm 2015 đến 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND Từ ngày 13/03/2015 đến 31/12/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.012.998.620
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		1.246.713.570
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(132.214.787)
- Chi phí lãi vay	06		19.735.599
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.147.233.002
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(24.715.148.001)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.893.110.235)
phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		13.917.155.032
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(302.171.306)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(19.735.599)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(27.249.388)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		26.300.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(128.353.055)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10.995.079.550)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(823.556.794)
các tài sản dài hạn khác	22		473.205.455
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		100.062.548
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(250.288.791)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		15.000.000.000
cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(29.290.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.600.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.740.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		14.830.710.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3.585.341.659
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	03	3.585.341.659

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đào Thị Thanh



Nguyễn Thị Mỹ Lan



Vũ Trung Tá

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10 chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước Đoàn Quản lý đường thủy nội địa số 10 thuộc Cục Quản lý đường thủy nội địa Việt Nam, theo Quyết định số 4571/QĐ-BGTVT ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0313159937 ngày 13 tháng 3 năm 2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 187 Trần Xuân Soạn, phường Tân Thuận Tây, quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 15.000.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0313159937 ngày 13 tháng 3 năm 2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Quản lý, bảo trì đường thủy nội địa;
- Sản xuất lắp đặt báo hiệu đường thủy;
- Nạo vét song, kênh, san lấp mặt bằng;
- Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng;
- Dịch vụ cơ khí, đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng phương tiện thủy.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Năm 2015 là năm tài chính đầu tiên của Công ty, bắt đầu từ ngày 13 tháng 3 năm 2015.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

2.5. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 05 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 02 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao trong 15 năm.

2.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

2.8. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

2.12. Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.13. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển

2.15. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Ngày 31/12/2015 VND
Tiền mặt	10.800.029
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.574.541.630
Cộng	3.585.341.659

4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Ngày 31/12/2015 VND
Chi Cục Đường thủy Nội địa Phía Nam	3.484.333.000
Công ty Cổ phần Đường sông Số 2	2.858.621.983
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu Mỹ Lợi	1.600.000.600
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	1.334.461.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tây Ninh	1.001.624.227
Công ty TNHH Một thành viên 508	829.090.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lý Trần	554.400.000
Khu Quản lý Giao thông Đô thị 3	359.274.000
Công ty TNHH Một thành viên 319.2	323.049.000
Cục Quản lý Đường bộ IV	301.774.000
Các khách hàng khác	633.194.061
Cộng	13.279.821.871

5. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Ngày 31/12/2015 VND
Công ty TNHH Thương mại Triệu Tuấn	200.000.000
Cộng	200.000.000

6. Phải thu ngắn hạn khác

	Ngày 31/12/2015 VND
Phải thu thuế TNCN của người lao động	157.406.874
Quỹ trích thừa (*)	77.160.019
Tạm ứng	654.479.655
Cộng	889.046.548

(*) Chi tiết quỹ trích thừa:

	Ngày 13/03/2015	Tăng do cổ phần hóa	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Ngày 31/12/2015
Quỹ khen thưởng	-	36.193.036	-	(40.928.600)	(4.735.564)
Quỹ phúc lợi	-	-	-	(72.424.455)	(72.424.455)
Cộng	-	36.193.036	-	(113.353.055)	(77.160.019)

7. Hàng tồn kho

	Ngày 31/12/2015 VND	
	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	136.116.735	-
Hàng hóa	1.756.993.500	-
Cộng	1.893.110.235	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Ngày 31/12/2015 VND
Công cụ, dụng cụ	65.383.534
Chi phí nhiên liệu, vật tư các trạm	236.787.772
Cộng	302.171.306

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	-	-	-	-	-
Tăng trong năm	4.262.794.112	935.003.059	20.656.288.597	1.497.428.457	27.351.514.225
Đầu tư XD/CB hoàn thành	83.672.322		14.889.949		98.562.271
Tăng do cổ phần hóa	4.179.121.790	935.003.059	20.641.398.648	1.497.428.457	27.252.951.954
Giảm trong năm	-	(357.468.905)	(1.495.025.470)	(1.497.428.457)	(3.349.922.832)
Giảm do kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(345.393.905)	-	(819.618.457)	(1.165.012.362)
Thanh lý, nhượng bán	-	(12.075.000)	(1.495.025.470)	(677.810.000)	(2.184.910.470)
Số cuối năm	4.262.794.112	577.534.154	19.161.263.127	-	24.001.591.393
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	-	-	-	-	-
Tăng trong năm	1.641.140.970	623.636.073	16.134.251.868	871.268.560	19.270.297.471
Khấu hao trong năm	123.632.505	37.722.330	1.026.478.737	-	1.187.833.572
Tăng do cổ phần hóa	1.517.508.465	585.913.743	15.107.773.131	871.268.560	18.082.463.899
Giảm trong năm	-	(230.237.868)	(1.196.020.376)	(871.268.560)	(2.297.526.804)
Giảm do kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(224.648.990)	-	(329.020.560)	(553.669.550)
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.588.878)	(1.196.020.376)	(542.248.000)	(1.743.857.254)
Số cuối năm	1.641.140.970	393.398.205	14.938.231.492	-	16.972.770.667
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	2.621.653.142	184.135.949	4.223.031.635	-	7.028.820.726

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay : 0 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng : 0 đồng
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng.
- Các cam kết về việc mua bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không

10. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>
Nguyên giá	-
Số đầu năm	-
Tăng do cổ phần hóa	1.177.600.000
Số cuối năm	1.177.600.000
Giá trị hao mòn	-
Số đầu năm	-
Khấu hao trong năm	58.879.998
Số cuối năm	58.879.998
Giá trị còn lại	-
Số đầu năm	-
Số cuối năm	1.118.720.002

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng: 0 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng
- Nguyên giá TSCĐ đang cầm cố, thế chấp, ký cược, ký quỹ : 0 đồng

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	-	823.556.794	(98.562.271)	724.994.523
Cộng	-	823.556.794	(98.562.271)	724.994.523

12. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Ngày 31/12/2015</u>
	<u>VND</u>
Công cụ, dụng cụ	386.008.035
Cộng	386.008.035

13. Tài sản dài hạn khác

	<u>Ngày 31/12/2015</u>
	<u>VND</u>
Ký quỹ	109.368.325
Cộng	109.368.325

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Ngày 31/12/2015</u>
	<u>VND</u>
DNTN Vận tải sông Quang Trung	137.646.410
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Cơ khí Trí Trung	219.662.000
Công ty TNHH Vận tải Cửu Long	787.934.050
Công ty TNHH TMDV Phương Phương Anh	108.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Năm Lầu	103.610.550
Khu quản lý Đường thủy nội địa	182.355.200
DNTN Thương mại Dịch vụ Tân Vạn	117.506.000
Công Ty TNHH TM - SX S.T.T	102.944.108
Các khách hàng khác	296.313.120
Cộng	2.055.971.438

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Ngày 31/12/2015 VND
CN Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thái Sơn – Công ty Xây lắp 394	500.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 2	585.251.013
Các khách hàng khác	694.778.513
Cộng	1.394.778.513

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tăng do cổ phần hóa		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.481.500	-	1.671.172.467	(753.428.359)	921.225.608	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(30.030.550)	237.679.033	(27.249.388)	180.399.095	-
Thuế thu nhập cá nhân	151.966.743	-	28.841.400	(190.856.941)	-	(10.048.798)
Các loại thuế khác	-	-	6.796.300	(6.796.300)	-	-
Cộng	155.448.243	(30.030.550)	1.944.489.200	(978.330.988)	1.101.624.703	(10.048.798)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.012.998.620
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	
- Các khoản điều chỉnh tăng	67.360.619
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Thu nhập tính thuế	1.080.359.239
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	237.679.033

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Ngày 31/12/2015 VND
Kinh phí công đoàn	27.732.940
Bảo hiểm xã hội	184.804.280
Bảo hiểm y tế	36.236.444
Bảo hiểm thất nghiệp	16.105.060
Phải trả về cổ phần hóa	2.227.607.615
Công đoàn Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì đường thủy nội địa Số 10	2.601.768.719
Phải trả các trạm	83.676.796
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.028.418.410
Cộng	6.206.350.264

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Ngày 31/12/2015 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả cá nhân khác</i>		
<i>Vay Ông Đặng Thanh Phong⁽ⁱ⁾</i>	600.000.000	600.000.000
Cộng	600.000.000	600.000.000

- (i) Vay không có tài sản đảm bảo Ông Đặng Thanh Phong để bổ sung vốn hoạt động kinh doanh với lãi suất 10,2%, thời hạn vay 06 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Tăng do cổ phần hóa	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hang	-	740.000.000	1.000.000.000	(1.740.000.000)	-
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	-	600.000.000	-	600.000.000
Cộng	-	740.000.000	1.600.000.000	(1.740.000.000)	600.000.000

19. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ	-	-	-	-	-
Tăng do cổ phần hóa	15.000.000.000	(29.290.000)	11.300.000	-	14.982.010.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	775.319.587	775.319.587
Số dư cuối kỳ	15.000.000.000	(29.290.000)	11.300.000	775.319.587	15.757.329.587

b) Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ	Giá trị VND
Vốn Nhà nước	765.000	51	7.650.000.000
Công ty TNHH Vận tải Cửu Long	150.000	10	1.500.000.000
Các cổ đông khác	585.000	39	5.850.000.000
Tổng cộng	1.500.000	100	15.000.000.000

c) Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.492.100
Cổ phiếu phổ thông	1.492.100
Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	7.900

20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 13/3/2015 đến ngày 31/12/2015
Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.428.886.587
Cộng	28.428.886.587

21. Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 13/3/2015 đến ngày 31/12/2015
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	25.513.264.072
Cộng	25.513.264.072

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 13/3/2015 đến ngày 31/12/2015
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	100.062.548
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	18.037.697
Cộng	118.100.245

23. Chi phí tài chính

	Từ ngày 13/3/2015 đến ngày 31/12/2015
Chi phí lãi vay	19.735.599
Cộng	19.735.599

24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 13/3/2015 đến ngày 31/12/2015
Chi phí cho nhân viên	247.022.737
Chi phí đồ dùng văn phòng	161.086.942
Chi phí khấu hao tài sản cố định	305.691.849
Thuế, phí và lệ phí	7.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	513.986.398
Các chi phí khác	779.863.275
Cộng	2.014.651.201

25. Thu nhập khác

	Từ ngày 13/3/2015 đến ngày 31/12/2015
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	32.152.239
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	51.287.132
Thu nhập khác	4.090.909
Cộng	87.530.280

26. Chi phí khác

	Từ ngày 13/3/2015 đến ngày 31/12/2015
Chi phí khác	73.867.620
Cộng	73.867.620

27. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ ngày 13/3/2015 đến ngày 31/12/2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	775.319.587
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	775.319.587
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	1.498.683
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	517

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Từ ngày 13/3/2015 đến ngày 31/12/2015
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 14 tháng 3 năm 2015	1.500.000

	Từ ngày 13/3/2015 đến ngày 31/12/2015
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại ngày 07 tháng 7 năm 2015	(909)
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại ngày 07 tháng 10 năm 2015	(408)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.498.683

28. Giao dịch với các bên liên quan

	Từ ngày 13/3/2015 đến ngày 31/12/2015
Tiền lương của Ban lãnh đạo Cộng	674.725.152 674.725.152

29. Thuyết minh các sự kiện Phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

30. Thông tin so sánh:

Năm 2015 là năm tài chính đầu tiên của Công ty, bắt đầu từ ngày 13 tháng 3 năm 2015.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2016

Người lập biểu

Đào Thị Thanh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mỹ Lan

Tổng Giám đốc



Vũ Trung Tá